

Bản án số: 152/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 11 - 2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoa;

2. Ông Trương Tha

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 588/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị H** - sinh năm 1989

Địa chỉ: **Thôn T - xã N - thị xã N - Khánh Hòa.**

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N** - sinh năm 1987

Địa chỉ: **Thôn T - xã N - thị xã N - Khánh Hòa.**

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trương Thị H** trình bày:

Bà và ông **Nguyễn Văn N** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N** năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông **N** hay nhậu nhẹt say xỉn rồi về nhà chửi mắng, đánh đập bà nhiều lần có lần phải nhập viện, dùng những lời lẽ không hay xúc phạm bà. Bà đã từng nộp đơn ly hôn vào năm 2019 nhưng ông **N** năn nỉ cho ông cơ hội để sửa đổi nên bà rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, thời gian qua bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông **N** vẫn

không khắc phục nên vợ chồng không thể hòa hợp được. Bà H xác định không còn tình cảm, vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông N. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Chí H1 - sinh ngày 07/10/2011 và Nguyễn Thị Mỹ N1 – sinh ngày 07/02/2014, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

Theo bản lấy lời khai ngày và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Thời gian, điều kiện kết hôn đúng như bà H trình bày. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất hòa, kinh cãi với nhau nhưng không đáng kể. Ông thừa nhận khi nóng giận cãi nhau có đánh bà H và bà H đã 01 lần nộp ly hôn nhưng sau đó ông hứa sẽ sửa đổi tính tình nên bà H rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông N không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà H và thương các con, không muốn các con phải sống thiếu cha hoặc mẹ. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Chí H1 – sinh ngày 07/10/2011 và Nguyễn Thị Mỹ N1 – sinh ngày 07/02/2014; trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Trương Thị H, ông Nguyễn Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tổ tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H, ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N (giấy chứng nhận kết hôn số 161 ngày 26/12/2011), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa bà H và ông N đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông N xúc phạm, bạo hành với vợ làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông N. Ông N không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với vợ, tuy nhiên từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay, ông N không có biểu hiện nào cho thấy có việc hàn gắn tình cảm với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung là Nguyễn Chí H1 – sinh ngày 07/10/2011 và Nguyễn Thị Mỹ N1 – sinh ngày 07/02/2014. Bà H là người đang trực tiếp nuôi 02 con chung và bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; nguyện vọng của các con chung muốn được sống cùng với mẹ. Ông N đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà H ly hôn. Do vậy, xét yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà H, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H, ông N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Trương Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Bà Trương Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Chí H1 – sinh ngày 07/10/2011 và Nguyễn Thị Mỹ N1 – sinh ngày 07/02/2014. Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trương Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001350 ngày 15/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND thị xã N;
 - Chi cục THADS thị xã N;
 - UBND phường N, thị xã N;
- (nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Truyền Nguyễn C

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoa Nguyễn L

Đặng Thị Ái Vy

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Thọ, Ninh Hòa;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Đặng Thị Ái Vy